

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN PHÚ TÂN  
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 14/2022/DS-ST  
Ngày 14-3-2022  
V/v tranh chấp Hợp đồng dịch vụ

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ TÂN, TỈNH CÀ MAU**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Võ Minh Luân

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Mạc Hoàng Nhữ

Ông Trần Hoàng Giang

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Đoàn Thị Tú - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Tân.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Tân tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thảo Nguyên - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 3 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 69/2021/TLST-DS ngày 01 tháng 3 năm 2021, về việc tranh chấp “Hợp đồng dịch vụ” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 276/2021/QĐXXST-DS ngày 03 tháng 6 năm 2021 giữa các đương sự:

*Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Tình N, sinh năm 1957 (có mặt).

*Địa chỉ:* Ấp R, xã K, huyện T, tỉnh C.

*Bị đơn:* Ông Nguyễn Đồng L (vắng mặt).

*Địa chỉ:* Ấp K, xã V, huyện P, tỉnh C.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Nguyên đơn ông Nguyễn Tình N trình bày:*

Vào ngày 08/9/2018 ông Nguyễn Đồng L có thuê ông N sên bún vuông và sửa lại hầm nuôi tôm công nghiệp với số tiền là 12.000.000 đồng. Sau khi hoàn thành công việc ông L có trả cho ông N 5.000.000 đồng. Số tiền còn lại 7.000.000 đồng, ông L hẹn 01 tháng sau sẽ thanh toán dứt điểm nhưng không trả. Sau đó ông N có đến nhà ông L yêu cầu ông L trả tiền nhưng ông cứ hẹn mà không trả. Nay ông Nguyễn Tình N yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Nguyễn Đồng L trả cho ông số tiền 7.000.000 đồng.

Trong quá trình Tòa án thụ lý giải quyết vụ án Tòa án đã triệu tập hợp lệ đối với ông Nguyễn Đồng L nhưng ông L vắng mặt và không cung cấp cho Tòa án văn bản nêu ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Xét về thủ tục tố tụng: Bị đơn Nguyễn Đồng L có nơi cư trú tại huyện P, nguyên đơn ông Nguyễn Tình N khởi kiện ông Nguyễn Đồng L về việc tranh chấp Hợp đồng dịch vụ nên Tòa án nhân dân huyện P thụ lý giải quyết là đúng theo quy định tại Điều 26, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự. Tòa án đã triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai đối với ông Nguyễn Đồng L nhưng ông L vẫn vắng mặt tại phiên tòa. Căn cứ Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông L là phù hợp với quy định.

[2] Xét về nội dung tranh chấp: Tại phiên tòa nguyên đơn ông Nguyễn Tình N xác định vào ngày 08/9/2018 bị đơn ông Nguyễn Đồng L có thuê ông N sên bún vuông và sửa lại hầm nuôi tôm công nghiệp với số tiền là 12.000.000 đồng. Ông L đã trả cho ông N số tiền 5.000.000 đồng, còn nợ lại 7.000.000 đồng, ông N yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Nguyễn Đồng L trả cho ông số tiền 7.000.000 đồng.

Hội đồng xét xử xét thấy, tại biên bản không làm việc được với đương sự ngày 07 tháng 5 năm 2021 bà Tăng Hồng Đ ( vợ ông L) trình bày, theo bà biết giữa ông L và ông N có hợp đồng sên bún vuông, ông N có đến sên bún vuông cho bà. Ông L và ông N hợp đồng thỏa thuận sên bún vuông bà không biết, bà chỉ biết ông L còn nợ tiền ông N nhưng nợ bao nhiêu thì bà không rõ, như vậy hợp đồng sên bún vuông và sửa lại hầm nuôi tôm công nghiệp giữa ông L và ông N là thực tế có diễn ra. Đối với bị đơn ông Nguyễn Đồng L sau khi Tòa án thụ lý vụ án Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ cho bị đơn ông Nguyễn Đồng L nhưng ông Nguyễn Đồng L vẫn vắng mặt và không có ý kiến gì đối với yêu cầu của nguyên đơn. Như vậy bị đơn đã thừa nhận còn nợ nguyên đơn số tiền 7.000.000 đồng nên không có ý kiến gì. Từ những căn cứ nêu trên, xét thấy yêu cầu của nguyên đơn ông Nguyễn Tình N là có cơ sở nên cần buộc bị đơn ông Nguyễn Đồng L trả cho nguyên đơn ông Nguyễn Tình N số tiền 7.000.000 đồng là phù hợp.

[3] Xét về án phí: Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Bị đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật. Nguyên đơn không có dự nộp án phí, thuộc trường hợp được miễn nộp tiền tạm ứng án phí, án phí theo quy định tại Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 513 Bộ luật dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày

30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn ông Nguyễn Tình N, buộc bị đơn là ông Nguyễn Đồng L trả cho ông Loại số tiền 7.000.000 đồng (Bảy triệu đồng).

Kể từ ngày nguyên đơn có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bị đơn không thi hành xong khoản tiền trên, thì phải chịu khoản tiền lãi chậm trả tương ứng với số tiền và thời gian chậm trả theo quy định tại Điều 468 của Bộ luật dân sự.

Án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn ông Nguyễn Tình N phải chịu 350.000 đồng.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai.

*“Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b, 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự”.*

**Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKS cùng cấp;
- Chi cục THADS huyện Phú Tân;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà**

**Võ Minh Luân**

